

Vĩnh phúc, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện 74 Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua vật tư, hoá chất phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện 74 Trung ương, phường Hùng vương, TP. Phúc yên, tỉnh Vĩnh phúc.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Ông Bùi Văn Tới

- Chức vụ: Phụ trách công tác Phòng Vật tư thiết bị y tế

- Điện thoại: 0973.587.368

- Email: benhvien74tw@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bệnh viện 74 Trung ương tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện 74 Trung ương, phường Hùng vương, TP Phúc yên, tỉnh Vĩnh phúc.

- Nhận qua email: benhvien74tw@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 29. tháng 03. năm 2024 đến trước 17h ngày 03. tháng 04. năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 29. tháng 03 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục trang thiết bị y tế, hoá chất, vật tư tiêu hao.

(Phụ lục I kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:



- Vận chuyển và bảo quản: Theo quy định của nhà sản xuất và quy định hiện hành của pháp luật.

- Địa điểm cung cấp: Tại kho Phòng Vật tư thiết bị y tế trực thuộc Bệnh viện 74 Trung ương.


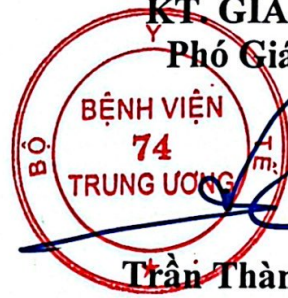

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo giao hàng bằng văn bản, điện thoại, fax hoặc Email của Chủ đầu tư.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt, khi chủ đầu tư nhận đủ chứng từ thanh toán (hoá đơn, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành...).

5. Các thông tin khác (nếu có).

Mẫu báo giá: (Phụ lục II kèm theo)

Xin chân thành cảm ơn!




Trần Thành Trung

PHỤ LỤC I:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Ghi chú
1	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	<p>74</p> <p>BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch dùng để súc rửa hệ thống. - Phù hợp với thiết bị bệnh viện 	55,000	MI	≤ 4000 MI/hộp	TTBYT
2	Viên nén khử khuẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần gồm Natri Dichloroisocyanurate, Adipic Acid, hoặc nhiều hơn. - Tan trong nước. - Quy cách: ≤ 100 viên/lọ 	1,500	Viên	≤ 100 viên/hộp	TTBYT
3	Cồn Ethanol 70°	<ul style="list-style-type: none"> - Nồng độ Ethanol 70°. - Màu trong không có vẩn đục. - Quy cách: ≤ 5000 ml/can - Sát trùng ngoài da, tiệt trùng các dụng cụ y tế. 	1,500,000	MI	≤ 5000ml/can	TTBYT
Tổng: 03 khoản						

**PHỤ LỤC II:
BÁO GIÁ⁽¹⁾**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế(2)	Tên theo quy định của nhà sản xuất	Quy cách theo quy định của nhà sản xuất	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất(3)	Mã HS(4)	Năm sản xuất(5)	Xuất xứ(6)	Số lượng/ khối lượng(7)	Đơn giá(8) (VND)	Thuế, phí, lệ phí, chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có)(9) (VND)	Thành tiền(10) (VND)	Mã kê khai giá
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

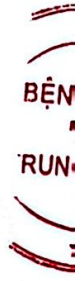
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 11.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước; Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.



(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chính thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.



Vĩnh phúc, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện 74 Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua vật tư, hoá chất phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện 74 Trung ương, phường Hùng vương, TP Phúc yên, tỉnh Vĩnh phúc.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Ông Bùi Văn Tới
 - Chức vụ: Phụ trách công tác Phòng Vật tư thiết bị y tế
 - Điện thoại: 0973.587.368
 - Email: benhvien74tw@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Bệnh viện 74 Trung ương tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện 74 Trung ương, phường Hùng vương, TP Phúc yên, tỉnh Vĩnh phúc.
 - Nhận qua email: benhvien74tw@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 29. tháng 03. năm 2024 đến trước 17h ngày 04... tháng 04.. năm 2024
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 29. tháng năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục trang thiết bị y tế, hoá chất, vật tư tiêu hao.
(Phụ lục I kèm theo)
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt:



2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:

- Vận chuyển và bảo quản: Theo quy định của nhà sản xuất và quy định hiện hành của pháp luật.

- Địa điểm cung cấp: Tại kho Phòng Vật tư thiết bị y tế trực thuộc Bệnh viện 74 Trung ương.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối đa 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo giao hàng bằng văn bản, điện thoại, fax hoặc Email của Chủ đầu tư.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt, khi chủ đầu tư nhận đủ chứng từ thanh toán (hoá đơn, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành...).

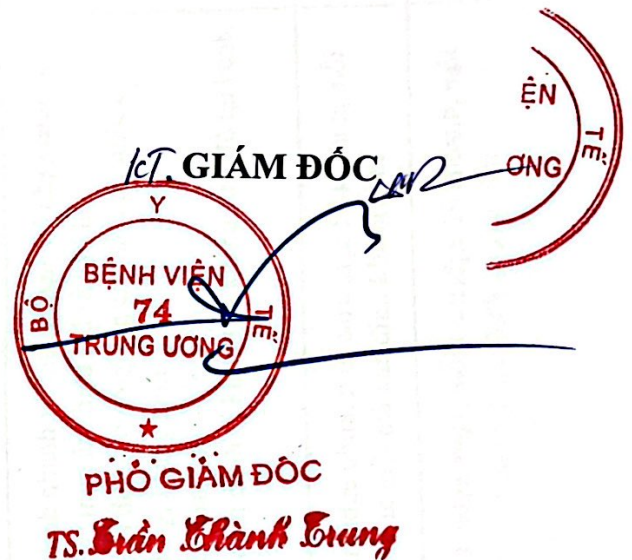
5. Các thông tin khác (nếu có).

Mẫu báo giá: (Phụ lục II kèm theo)

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VITBYT.



PHỤ LỤC I:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Ghi chú
1	Maconkey	<ul style="list-style-type: none"> - MacConkey Agar là môi trường chọn lọc và phân biệt để phát hiện Enterobacteriaceae từ mẫu lần sàng và các mẫu khác, theo USP/EP/JP. - Thành phần (g/l): Pancreatic Digest of Gelatin 17.0, Peptone from Meat 1.5, Peptone from Casein 1.5, Lactose 10.0, Sodium Chloride 5.0, Bile Salts 1.5, Agar 15.0*, Neutral Red 0.03, Crystal Violet 0.001, pH = 5.2 ± 0.1 ở 25°C - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 - Quy cách đóng gói: 500g/ Hộp 	1000	Gam	≥500g/ Hộp	TTBYT
2	BD Phoenix™ PMIC/ID-55	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí. - Thành phần: Tối thiểu có 45 giếng cơ chất hoá sinh, 2 giếng huỳnh quang, kháng sinh - Quy cách: ≤ 25 test/ hộp - Phù hợp máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ tại bệnh viện. 	25	Panel	≤ 25 panel/ hộp	TTBYT
3	BD Phoenix™ NMIC/ID-504	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí. - Thành phần: Tối thiểu có 45 giếng cơ chất hoá sinh, 2 giếng huỳnh quang, kháng sinh - Quy cách: ≤ 25 test/ hộp - Phù hợp máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ tại bệnh viện. 	50	Panel	≤ 25 panel/ hộp	TTBYT
4	Amoxicillin/ clavulanic acid 30µg	<ul style="list-style-type: none"> - Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoanh, mỗi khoanh giấy được in một mã xác định kháng sinh. 	250	Khoanh	≥ 250 khoanh/hộp	TTBYT
5	Ampicillin /Sulbactam 20µg	<ul style="list-style-type: none"> - Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoanh, mỗi khoanh giấy được in một mã xác định kháng sinh.. 	250	Khoanh	≥ 250 khoanh/hộp	TTBYT

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Ghi chú
6	Azithromycin 15µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
7	Ceftazidime 30µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
8	Ceftriaxone 30µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
9	Cefuroxime 30µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
10	Meropenem 10µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
11	Ofloxacin 5µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
12	Piperacillin/Tazobactam 110µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
13	Tobramycin 10µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
14	Cefixime 5µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
15	Clindamycin 2µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT
16	Colistin 10µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khanh/hộp	TTBYT

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Ghi chú
17	Kit tách chiết DNA/RNA của virus và vi khuẩn bằng phương pháp cột lọc	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không té bảo, các loại mẫu phết, mẫu đờm, dịch rửa phế quản, dịch tiết khí quản, mẫu vi khuẩn nuôi cấy, dịch nội mẩu phân, dịch não tủy, dịch nổi nuôi cấy tế bào, mẫu máu tươi/đông lạnh, mô sinh thiết, nước tiểu. - Quy cách: ≤300 test/hộp 	250	Test	≤300 test/hộp	TTBYT
18	B-R-A-H-M-S PCT Reagent	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất xét nghiệm - Quy cách: ≤ 100 Test/ hộp - Phù hợp máy miễn dịch Architect I 1000SR của bệnh viện. 	100	Test	≤ 100 Test/ hộp	TTBYT
19	CEA Reagent	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất xét nghiệm - Quy cách: ≤ 100 Test/ hộp - Phù hợp máy miễn dịch Architect I 1000SR của bệnh viện. 	100	Test	≤ 100 Test/ hộp	TTBYT
20	Cyfra 21-1 Reagent	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất xét nghiệm - Quy cách: ≤ 100 Test/ hộp - Phù hợp máy miễn dịch Architect I 1000SR của bệnh viện. 	100	Test	≤ 100 Test/ hộp	TTBYT
21	High Sensitive Troponin I Reagent	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất xét nghiệm - Quy cách: ≤ 100 Test/ hộp - Phù hợp máy miễn dịch Architect I 1000SR của bệnh viện. 	100	Test	≤ 100 Test/ hộp	TTBYT
22	Que tâm bông vô trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: que bằng nhựa, gỗ, tre hoặc tương đương, đầu có cuộn bông - Kích thước khoa: khoảng 2*120mm - Que liền nắp và đặt trong ống - Sản phẩm được tiệt trùng 	1500	Cái	≤ 2 cái/túi	TTBYT
Tổng: 22 khoản						

PHỤ LỤC I:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Ghi chú
1	Maconkey	<ul style="list-style-type: none"> - MacConkey Agar là môi trường chọn lọc và phân biệt để phát hiện Enterobacteriaceae từ mẫu lân sàng và các mẫu khác, theo USP/EP/JP. - Thành phần (g/l): Pancreatic Digest of Gelatin 17.0, Peptone from Meat 1.5, Peptone from Casein 1.5, Lactose 10.0, Sodium Chloride 5.0, Bile Salts 1.5, Agar 15.0*, Neutral Red 0.03, Crystal Violet 0.001, pH = 5.2 ± 0.1 ở 25°C - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 - Quy cách đóng gói: 500g/ Hộp 	1000	Gam	≥500g/ Hộp	TTBYT
2	BD Phoenix™ PMIC/ID-55	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí. - Thành phần: Tối thiểu có 45 giếng cơ chất hoá sinh, 2 giếng huỳnh quang, kháng sinh - Quy cách: ≤ 25 test/ hộp - Phù hợp máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ tại bệnh viện. 	25	Panel	≤ 25 panel/ hộp	TTBYT
3	BD Phoenix™ NMIC/ID-504	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí. - Thành phần: Tối thiểu có 45 giếng cơ chất hoá sinh, 2 giếng huỳnh quang, kháng sinh - Quy cách: ≤ 25 test/ hộp - Phù hợp máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ tại bệnh viện. 	50	Panel	≤ 25 panel/ hộp	TTBYT
4	Amoxicillin/ clavulanic acid 30µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh.	250	Khoanh	≥250 khoan/hộp	TTBYT
5	Ampicillin /Sulbactam 20µg	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	≥250 khoan/hộp	TTBYT

1 1 1 1 1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Ghi chú
6	Azithromycin 15 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
7	Ceftazidime 30 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
8	Ceftriaxone 30 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
9	Cefuroxime 30 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
10	Meropenem 10 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
11	Ofloxacin 5 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
12	Piperacillin/Tazobactam 110 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
13	Tobramycin 10 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
14	Cefixime 5 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
15	Clindamycin 2 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT
16	Colistin 10 μ g	- Hộp gồm 5 cartridge nhựa, mỗi cartridge 50 khoan, mỗi khoan giấy được in một mã xác định kháng sinh..	250	Khoanh	\geq 250 khanh/hộp	TTBYT

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Quy cách	Ghi chú
17	Kit tách chiết DNA/RNA của virus và vi khuẩn bằng phương pháp cột lọc	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD - Nguồn mẫu: huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không tế bào, các loại mẫu phết, mẫu đờm, dịch rửa phế quản, dịch tiết khí quản, mẫu vi khuẩn nuôi cấy, dịch nổi mẫu phân, dịch não tủy, dịch nổi nuôi cấy tế bào, mẫu máu tươi/đông lạnh, mô sinh thiết, nước tiểu. - Quy cách: ≤300 test/hộp 	250	Test	≤300 test/hộp	TTBYT
18	B-R-A-H-M-S PCT Reagent	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất xét nghiệm - Quy cách: ≤ 100 Test/ hộp - Phù hợp máy miễn dịch Architect I 1000SR của bệnh viện. 	100	Test	≤ 100 Test/ hộp	TTBYT
19	CEA Reagent	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất xét nghiệm - Quy cách: ≤ 100 Test/ hộp - Phù hợp máy miễn dịch Architect I 1000SR của bệnh viện. 	100	Test	≤ 100 Test/ hộp	TTBYT
20	Cyfra 21-1 Reagent	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất xét nghiệm - Quy cách: ≤ 100 Test/ hộp - Phù hợp máy miễn dịch Architect I 1000SR của bệnh viện. 	100	Test	≤ 100 Test/ hộp	TTBYT
21	High Sensitive Troponin I Reagent	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất xét nghiệm - Quy cách: ≤ 100 Test/ hộp - Phù hợp máy miễn dịch Architect I 1000SR của bệnh viện. 	100	Test	≤ 100 Test/ hộp	TTBYT
22	Gel bôi ống nội soi	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Không chứa chất gây dị ứng, gây kích ứng da, không chứa dầu, không chứa formaldehyde và muối, gel không mùi và không gây độc hại hoặc nhiều - Quy cách: ≥ 80 gam/ ống - Chất liệu: que bằng nhựa, gỗ, tre hoặc tương đương, đầu có cuốn bông 	50	Tuýp	≥ 80 gam/ ống	TTBYT
23	Que tăm bông vô trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước khoa: khoảng 2*120mm - Que liền nắp và đặt trong ống - Sản phẩm được tiệt trùng 	1500	Cái	≤ 2 cái/túi	TTBYT
Tổng: 23 khoản						

**PHỤ LỤC II:
BÁO GIÁ⁽¹⁾**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là tên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế(2)	Tên theo quy định của nhà sản xuất	Quy cách theo quy định của nhà sản xuất	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất(3)	Mã HS(4)	Năm sản xuất(5)	Xuất xứ(6)	Số lượng/ khối lượng(7)	Đơn giá(8) (VND)	Thuế, phí, chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có)(9) (VND)	Thành tiền(10) (VND)	Mã kê khai giá
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 11.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước; Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.



(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

